

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản thỏa thuận về ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn của Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 107/2025/TLST-HNGĐ ngày 17/03/2025 về việc thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Phạm Đình S, sinh năm: 1980;

CCCD số: 038080030000 do Cục CS QLHS về TTXH cấp ngày 21/01/2023.

HKTT: Thôn Q3, xã T, huyện H, tỉnh H.

Bà Đỗ Kiều A sinh năm: 1985;

CCCD số: 008185000000 do Cục CS QLHS về TTXH cấp ngày 22/02/2025.

HKTT và nơi ở hiện tại: P3008 - HH4C L Đàm, phường L, quận M, thành phố H.

Địa chỉ làm việc: Công ty cổ phần công nghệ ADK Việt Nam.

Trụ sở: Tầng 4 Tòa nhà Mitec, Lô E2 khu đô thị mới G, phường Y, quận, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tình cảm: Ông Phạm Đình S và bà Đỗ Kiều A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18 tháng 11 năm 2013 tại UBND xã B, huyện S, tỉnh Q. Số 88,

quyển số 01/2013. Là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống ông S và bà Kiều A phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng thực sự trầm trọng, nguyện vọng xin ly hôn của ông S và bà Kiều A là chính đáng, nên Tòa chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Phạm Đình S và bà Đỗ Kiều A.

[2] Về con chung: Ông Phạm Đình S và bà Đỗ Kiều A cùng xác nhận có 01 con chung là cháu Phạm Khánh L, sinh ngày 04/3/2017. Khi ly hôn, bà Kiều A và ông S đã thỏa thuận bà Kiều A sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Về cấp dưỡng, bà Kiều A và ông S đã thỏa thuận rằng ông S có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng.

[3] Về tài sản chung: Ông Phạm Đình S và bà Đỗ Kiều A tự thống nhất thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về vay nợ: Ông Phạm Đình S và bà Đỗ Kiều A cùng xác nhận không có khoản nợ chung nào, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Bà Đỗ Kiều A tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm, ông Phạm Đình S đồng ý.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Đình S và bà Đỗ Kiều A.

- Về con chung: Khi ly hôn, giao con chung là cháu Phạm Khánh L, sinh ngày 04/3/2017 cho bà Kiều A là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Về cấp dưỡng, ông Phạm Đình S có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng.

Ông Phạm Đình S có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Ông Phạm Đình S và bà Đỗ Kiều A thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

- Về nợ chung: Phạm Đình S và bà Đỗ Kiều A cùng xác nhận không có khoản vay nợ chung nào cả, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

2. Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Bà Đỗ Kiều A tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0047000 ngày 17/03/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy. Bà Đỗ Kiều A đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKS quận Cầu Giấy;*
- *UBND nơi đăng ký kết hôn;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Trần Anh Quang